

Số: 13 /KH-KCN

Bắc Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2017

KẾ HOẠCH
Phát triển nguồn nhân lực
trong các Khu công nghiệp giai đoạn 2017-2018

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Ban Quản lý các KCN Ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các KCN tỉnh giai đoạn 2017 - 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trong các KCN và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực những năm tiếp theo giúp các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề và các cơ sở đào tạo nghề có sự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nhân lực thực tế.

- Nâng cao sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ sở đào tạo, các cơ quan có liên quan trong việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao kịp thời đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp KCN.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tình hình sử dụng lao động trong các khu công nghiệp.

Trong những năm gần đây số lao động làm việc trong các KCN đã tăng đáng kể, 6 tháng đầu năm 2017, các doanh nghiệp KCN sử dụng 71.387 lao động (tăng 17.851 lao động so với cùng kỳ 2016, giảm 1.300 lao động so với cuối năm 2016 lý do giảm lao động so với cuối năm 2016 (do Công ty TNHH New Wing

Interconnect Technology (Bắc Giang)- KCN Vân Trung giảm 9.318 lao động so với cuối năm 2016). Cụ thể tình hình sử dụng lao động qua các năm như sau:

Năm	Tổng số DN sản xuất	Tổng số lao động	LĐ người địa phương		Lao động nữ		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	
2012	88	35.229	27.627	78,42	26.889	76,32	
2013	109	37.710	29.888	79,26	29.002	76,91	
2014	136	45.782	-	-	34.604	75,58	
2015	156	47.218	-	-	34.054	72,12	
2016	158	72.687	-	-	54.639	75,2	
6 tháng đầu năm 2017	164	71.387	-	-	51.707	72,4	Không tính DN thuộc CCN Nội Hoàng

2. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trong các khu công nghiệp

Hiện nay, trên địa bàn các KCN tỉnh Bắc Giang có 164 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng 71.387 lao động, trong đó lao động nữ là 51.707 người (chiếm 72,4%). Phần lớn lao động tập trung làm việc trong các doanh nghiệp FDI (68.070 lao động, chiếm 95,4%). Lực lượng lao động trẻ có độ tuổi trung bình từ 18 - 30 tuổi. Lao động trong các KCN có 2 loại hình nhân lực đó là: nhân lực phổ thông và nhân lực chất lượng cao. Nhân lực phổ thông hiện tại vẫn chiếm số đông chủ yếu là lao động nữ chiếm tới 72%; trong khi đó, tỷ lệ nhân lực chất lượng cao lại chiếm tỷ lệ thấp, chi tiết tổng hợp qua các năm như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Lao động năm 2012	Lao động năm 2013	Lao động năm 2014	Lao động năm 2015	Lao động năm 2016	Lao động 6 tháng đầu năm 2017
I	Lao động đã qua đào tạo	6.814	8.405	13.098	15.098	18.832	19.677
1	Trên đại học	55	55	2.546	2.992	4.019	4.218
2	Đại học	1.064	1.100				
3	Cao đẳng	661	1.800	2.467	2.969	3.489	3.519
4	Cao đẳng nghề	556	700				

5	Trung cấp chuyên nghiệp	1.106	1.150	2.777	2.647	2.977	2.707
6	Trung cấp nghề	533	600				
7	Sơ cấp nghề	2.839	3.000	5.308	6.490	8.407	9.233
II	Chưa qua đào tạo	28.415	29.305	32.684	32.120	53.855	51.701
Tổng (I +II)		35.229	37.710	45.782	47.218	72.687	71.387

Như vậy, số lao động đã qua đào tạo ở các doanh nghiệp có chiều hướng tăng. Năm 2013, các doanh nghiệp khu công nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 8.405 lao động, chiếm 22,3% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2012 là 1.591 lao động. Năm 2014, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 13.098 lao động, chiếm 28,6% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2013 là 5.053 lao động. Năm 2015, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 15.098 lao động, chiếm 32% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2014 là 2.000 lao động. Năm 2016, các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo là 18.832 lao động, chiếm 25,9% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2015 là 3.734 lao động, mặc dù tổng số lao động tăng thêm nhiều so với năm 2015. Tuy nhiên, đến 6 tháng đầu năm 2017, các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo là 19.677 lao động, chiếm 27,6% tổng số lao động.

Nhìn chung lực lượng lao động trong các khu công nghiệp tăng cả về số lượng và chất lượng; Ý thức tác phong công nghiệp của người lao động đã dần được cải thiện. Doanh nghiệp đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của nguồn nhân lực có chất lượng, một số doanh nghiệp trong các KCN đã chủ động trong việc liên kết đào tạo như đào tạo tại chỗ, đào tạo nâng cao tay nghề,... để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo còn chưa cao, doanh nghiệp thường đào tạo thêm cho những lao động sau khi tuyển dụng vì kỹ năng và kiến thức thấp hơn so với yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Số lao động được đào tạo có thể đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp về số lượng, nhưng đa số trình độ đào tạo và ngành nghề đào tạo của người lao động chưa đáp ứng hoặc chưa phù hợp với ngành nghề của các doanh nghiệp.

3. Tình hình đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có khoảng hơn 76 cơ sở dạy nghề để cung cấp cho các doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp và các vùng lân cận, đã phần nào đã đáp ứng được số lượng cho các doanh nghiệp khu công nghiệp, tuy nhiên ngành nghề được đào tạo đôi khi chưa phù hợp với nhu cầu

của doanh nghiệp, doanh nghiệp sau khi tuyển dụng phải đào tạo thêm để đáp ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo kết quả tổng hợp của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang năm 2016 các trường dạy nghề trong tỉnh đã đào tạo 29.155 người, trong đó lực lượng lao động có trình độ như sau: Cao đẳng nghề: 816 người, Trung cấp nghề: 3.276 người, Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng 25.063 người.

4. Dự báo nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong KCN giai đoạn 2017- 2018.

Theo số liệu đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp khu công nghiệp, 6 tháng cuối năm 2017 các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển thêm 15.073 lao động trong đó lao động nữ là 11.555 (chiếm 76,7%), lao động chưa qua đào tạo là 10.020 lao động chiếm 66,5%; Các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển nhiều lao động tập trung nhiều vào các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực điện tử, may mặc, nếu các doanh nghiệp tuyển đủ theo nhu cầu thì tổng số lao động làm việc tại các khu công nghiệp do Ban Quản lý đến hết năm 2017 dự kiến lên khoảng 86.000 lao động, cụ thể nhu cầu tuyển mới lao động phân theo từng khu công nghiệp như sau:

STT	Tên KCN	Nhu cầu tuyển mới LĐ 6 tháng cuối năm 2017							LĐ chưa qua đào tạo
		Tổng số	Trong đó nữ	LĐ đã qua đào tạo					
				Từ Đại học trở lên	Cao đẳng, Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	
1	Đình Trám	6.965	5.935	119	192	157	280	1.222	4.995
2	Quang Châu	3.790	2.912	94	85	288	1.498	4	1.821
3	Vân Trung	3.300	2.209	128	199	160	50	435	2.328
4	Song Khê- Nội Hoàng	1.018	499	49	41	49	3	0	876
Tổng		15.073	11.555	390	517	654	1.831	1.661	10.020

(Cụ thể nhu cầu các các doanh nghiệp theo phụ lục đính kèm)

Trên cơ sở tình hình thu hút đầu tư và việc triển khai của các dự án, năm 2018 dự báo các doanh nghiệp sẽ sử dụng khoảng 90.000 lao động, cụ thể:

STT	Tên KCN	Dự báo nhu cầu sử dụng lao động đến hết năm 2017 (người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	KCN Đình Trám	38.000	42,0	
2	KCN Quang Châu	18.000	20,0	
3	KCN Vân Trung	25.000	27,8	
4	KCN Song Khê- Nội Hoàng	9.000	10,0	
	Tổng	90.000	100,0	

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Từ thực trạng về tình hình sử dụng lao động trong KCN và khả năng cung ứng nhân lực của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Để nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các khu công nghiệp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp như sau:

1. Đối với các Sở, Ngành và UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề đào tạo nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật lao động, BHXH hàng năm của các doanh nghiệp trong KCN.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục, đào tạo và pháp luật về phát triển nhân lực, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp về công tác giáo dục- đào tạo nghề. Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ sở dạy nghề tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và dạy nghề;

- Thực hiện tốt công tác tư vấn pháp luật miễn phí cho người lao động, thông qua các kênh: Trung tâm giới thiệu việc làm, Trung tâm trợ giúp pháp lý.

2. Đối với các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề trên địa bàn:

- Phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh và UBND các huyện, thành phố, trên cơ sở nhu cầu sử dụng nhân lực của các KCN có kế hoạch điều chỉnh cơ cấu đào tạo hợp lý và có kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo và đầu tư nâng cấp trang thiết bị.

- Tăng cường công tác phân tích, dự báo nhu cầu, thông tin thị trường lao động của tỉnh và các vùng lân cận để tổ chức thu tập thông tin chi tiết nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp về từng nhóm nghề, trình độ làm cơ sở để xác định kế hoạch tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp đầu tư trong các khu công nghiệp:

Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước: Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh, hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng của năm và 5 năm theo ngành nghề, giới tính, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các KCN giai đoạn 2017- 2018 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, LĐ.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái (báo cáo);
- Sở Lao động TB&XH;
- UBND các Huyện, TP; | Để phối hợp
- Công đoàn các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo ban;

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Xuân Ngọc

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017
VÀ NHU CẦU TUYỂN MỜI LAO ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP KCN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2017**

Stt	Loại hình doanh nghiệp	Tổng số lao động		Dự kiến tuyển dụng lao động 6 tháng cuối năm 2017							
		Tổng số	trong đó lao động nữ	Tổng số	Số lao động nữ	Đại học trở lên	Cao đẳng/cao đẳng nghề	Trung cấp/trung cấp nghề	sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	KCN Đình Trám										
1	Công ty CP SNC	8	2	0							
2	CT TNHH Điện Phòng Hoàng	13	3	0							
3	CT TNHH ĐT SX và TM PhúThịnh	183	82	35	10	2	5	5	0	0	23
4	Cty CP cơ điện Ta ma ha	10	2	0							
5	Cty CP dầu khí Thái Dương	33	12	20	10	1	10	5		4	
6	CT TNHH DĐT-SX -TM An sinh	20	6	0							
7	Công ty TNHH dây nâng an toàn TL	18	5	10	10				10		
8	Cty CP Anpha	61	6	5	0	0	0	5	0		
9	Công ty TNHH Bắc Hồng Hà	25	3	0							
10	Công ty TNHH Sung woo vina	657	560	250	250	0	0	0	150	50	60
11	Công ty TNHH Việt Phong	19	11	20	15				5		15
12	Công ty TNHH Vimark	87	25	0	0	0					0
13	Công ty TNHH Xuân Thu	20	7	0							
14	Công ty TNHH Yokoi Mould Việt Nam	201	106	70	40	3	5	10	0	0	52
15	Công ty TNHH điện tử Yesung	43	18	20	10						20
16	Công ty TNHH DOVAN	66	26	7	6						7
17	Cty CP thức ăn chăn nuôi Đất Việt	19	4	0	0	0	0	0		0	
18	Công ty TNHH BIRZ Việt Nam	548	440	300	250					300	
19	Cty TNHH điện tử Teayang Việt Nam	1540	999	350	250	15	15	10			310
20	CT TNHH ITV SX&TM tera wood	4	2	0							
21	Công ty TNHH Việt ấn	9	3	0							
22	Công ty cổ phần thép Phương Trung	40	5	0							
23	Công ty cổ phần thép tuần cường	6	3	0							
24	Cty TNHH SX&TM Quỳnh An	9	3	0							
25	CT TNHH công nghệ điện tử JINSUNG	90	12	8	1	1	2	2		2	1
26	Công ty TNHH Youngjin Vina	597	490	195	180	5	5	5	5	0	175
27	CT TNHH FINE LAND APPAREL VIỆT NAM	511	412	300	300					300	0
28	Chi nhánh CTCP dây và ống đồng Trần	34	12	0							
29	Công ty TNHH bao bì Hạo Nhuệ VN.	87	49	20	8	3	0	2			15
30	CT TNHH kim loại & nhựa Zhong Cun	47	27	5	2						5
31	Cty CP thuốc thú y Đất Việt	66	46	10	8	0	0	0		10	
32	MOBILE	42	22	0							

33	Công ty TNHH TOKAI TRIM Việt Nam	120	95	0							
34	CT TNHH Hoa Hạ Việt Nam	598	384	0							
35	Công ty cổ phần Coma68	48	5	20		1	5	14			
36	Cty TNHH Fuhong	16232	13827	2444	2444						2444
37	Cty TNHH Koretsune Việt Nam	21	3	0			0	0			
38	Cty TNHH Duramoto Việt Nam	27	10	20				1			19
39	Công ty TNHH điện tử TeSung	199	140	100	70						100
40	Công ty TNHH in bao bì Sunny Việt Nam	226	160	10	8						10
41	Công ty TNHH SURTECKARIYA VIỆT NAM	76	24	10	5	1	1	0	0	0	8
42	Công ty TNHH Fertile Việt Nam	20	15	1		1					
43	Công ty TNHH ARK VIỆT NAM	57	7	0							
44	Cty TNHH SX và TM quốc tế Shengli VN	56	25	6	2	1	1	1			3
45	Cty cổ phần dây cáp điện Hàn Quốc	44	7	0	0	0					0
46	Công ty TNHH DAWON VINA	85	65	0							
47	Công ty TNHH YOUNGONE Bắc Giang	1231	1060	800	800	20	50	30	100	400	200
48	Công ty TNHH STRONICS VIỆT NAM	495	324	40	35	2	3	2			33
49	Công ty TNHH NANO HIGHTECH Việt Nam	543	399	100	70		0				100
50	Cty TNHH công nghệ Gloveland Vina	144	99	15	10	2	2	1			10
51	Công ty TNHH SINHAN ENG VINA	28	15	90	90	5	10				75
52	Công ty TNHH COSTECH VINA	15	4	2		1		1			
53	Cty TNHH Sein Blue Tec Việt Nam	27	6	6		1	3				2
54	Công ty TNHH điện tử T&H	123	30	250	100	2	3	3		142	100
55	Cty TNHH Tannan Việt Nam	157	55	50	25	2	2		0		46
56	Cty TNHH MTV TL Trung Việt	59	18	0	0		0			0	0
57	Công ty TNHH Best Manufacturing Technology	250	138	150	115	5	5	0	0	0	140
58	Công ty TNHH MTV MOA TECH	735	387	200	100						200
59	Công ty TNHH điện tử Sung Gwang	132	112	152	140	1	1				150
60	Công ty TNHH điện tử SUNG JIN Việt Nam	773	434	200	135	10	9	8			173
61	Công ty TNHH Yoshimura Kogyo Việt Nam	17	2	2							2
62	Công ty TNHH DONGJIN VIỆT NAM	146	115	10	10						10
63	Công ty TNHH SHINA TECH VIỆT NAM	20	16	0							
64	Cty TNHH Keo San Vina Electronics	85	14	20	2	8	3	9			
65	Công ty TNHH bao bì YuYang Việt Nam	30	20	10	7	1	1				8
66	Công ty TNHH nhựa KIMURA VIỆT NAM	4	3	1	1	1					
67	Công ty TNHH Young Sung Precision	32	29	50	50						50
68	Công ty TNHH EXT ENGINEER VIỆT	71	9	10	0					10	0
69	Cty TNHH Iwaseya Việt Nam	8	4	5	1	1	1				3
70	Cty TNHH Hashimoto Seimitsu Việt Nam	22	15	0							0
71	Nhà máy 6Tô Đồng Vàng I	141	16	15		2	2	11	0		
72	Công ty cổ phần DVMOTOR (25-8)	35	8	33	10	1	5	5	10	2	10
73	Công ty TNHH sản xuất Sanwa Việt Nam	301	86	100	25	15	40	25			20

104	Công ty TNHH giấy Bình Dương	0									
105	Cty CP Sơn Thạch	40	12								
106	Công ty TNHH Conkaiser	45	7								
107	Công ty TNHH Hansol Vina	1186	570								
108	Công ty TNHH Mao Hội	6									
109	Công ty cổ phần thép Việt úc	120	7								
110	Cty CP cơ khí Đỗ Kha	14	7								
111	Công ty TNHH TM và SX bao bì Anh Thảo	43	26	25	25						25
112	Công ty TNHH SG VINA	10	105								
113	Công ty TNHH S&L VINA	13	2	100	70		2	2	20		76
114	Cty TNHH Heasung Tech Việt Nam	417	210								
115	CÔNG TY TNHH KTC ELECTRONICS VIỆT NAM	187	106	20	5	5	5	5			5
116	CÔNG TY TNHH MTV T/S VINA	65	9								
117	Công ty TNHH MTV Thiên Á Việt Nam	52	61	50	30	5	5	3			37
118	Cty TNHH Semitech Vina	29	7								
119	Cty TNHH MTV vì môi trường Hana	20	9								
120	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CHÁU Á CÔNG TY TNHH SAEKWANG ENG VINA	31	2								
121	Công ty TNHH MTV Nuri Tech Việt Nam	150	54	0	0	0	0	0	0	0	0
122	Công ty TNHH JPE Việt Nam	23									
123	công ty TNHH WOORIM AIRTEC VN	3									
124	công ty TNHH DAE HEUNG AIRTEC	7									
125	Công ty TNHH thiết bị nhà bếp HANARO	10									
126	Công ty TNHH KH-KT Điện tử SHENG YUAN VN	124									
127	Công ty TNHH CHUL WOO VINA	4									
128	Công ty TNHH KOREA NANO SYSTEM VINA	15									
129	Công ty TNHH PROMADE VINA	10									
130	Công ty TNHH ZHONG MIN	8									
	Tổng	2801	1279	197	131	12	12	10	20	0	143
IV	KCN Song Khê-Nội Hoàng										
109	Nhà máy Giấy Xương Giang	445	72	15	5	2	5	5	3		
110	Cty TNHH lưới thép hàn Hợp Lực	18	4	10			2				8
111	CT cổ phần cáp và thiết bị V.thông	5	0	300	75	5	5	15			275
112	CT TNHH ITALISA Việt Nam	760	210	150	30	10	7	25			108
113	Công ty cổ phần thép Phương Bắc	19	4	2		1	1				
114	Cty CP thép số 10	34	6	0	0	0					0
115	Công ty TNHH ABRASIVES VIỆT NAM	43	12	5	0	0	2	0			3
10	Công ty TNHH MYUNGBO VINA	269	231	10	2	2	1				7
117	Công ty TNHH KIM TƯỜNG	35	8	0							
118	Công ty TNHH ASIA BOLT VINA.	150	59	0	0	0	0	0			0
119	Công ty TNHH HAEM VINA	839	704	20	15	1	1	1			17

120	Công ty TNHH DAE GWANG VINA	94	18	6	0	3	1	2			0
121	Công ty TNHH Shinsung vna	503	266	20	30	1	1	1			17
122	Cty TNHH KHKT NL mặt trời Boviet	1586	898	150	80	10	3	0			137
123	Công ty TNHH điện tử NCC Vina	932	883	100	100	2	5	0	0	0	93
124	Công ty TNHH TMDV Tâm Hữu Vĩ	0	0	0							
125	Công ty TNHH Chulwoo Vina	46	10	0							
126	Công ty TNHH Cheongsan Vina	105	64	50	30	1	1	0			48
127	Công ty TNHH MTV XNK và TMQT Kiên Hợp FDE	7	5	0							
128	Công ty TNHH Dawon Ellectronic Vina	162	117	180	132	11	6				163
	Tổng	6052	3571	1018	499	49	41	49	3	0	876
V	KCN Vân Trung										
129	Cty TNHH Fugiang	67	34	3	2	3	0	0	0		0
130	Công ty TNHH điện tử Rongxin (Việt Nam)	98	54	30	15	3	2	5	0	15	5
131	Cty TNHH Smart Shirt Garments Manufacturing Bắc Giang	930	711	100	100					100	
132	Công ty TNHH Woosung Precision Việt Nam	41	18	0	0	0	0	0			0
133	CÔNG TY TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY	3554	1366	300	100	15	40	50			195
134	CÔNG TY TNHH EMW VIỆT NAM	195	145	190	150	10	10	15	0		155
135	CÔNG TY TNHH DYT VIỆT NAM	94	19	20	0		7	3			10
136	Công ty TNHH kim loại chính xác Jintu Việt Nam	14	5	10	5	0	5				5
137	Cty TNHH Kanegabo	156	90	20	10	2					18
138	Cty TNHH Dongsan Precision Vina	155	77	10	10						10
139	Cty TNHH Risun Việt Nam	1040	943	0							
140	Cty TNHH điện tử Broad Việt Nam	784	740	60	40	5	2	0			58
141	Cty TNHH túi giấy mỹ thuật Thái Dương	54	37	20	20						20
142	Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam	671	425	300	200	10	8	5			277
143	Công ty TNHH Haesung Watch Tech Vina	50	18	15	5	3	2				10
144	Công ty TNHH Wonjin Vina	717	369	100	50	7	15	16			62
145	Công ty TNHH Changsung Hà Nội	28	20	20	20			3	5	5	7
146	Công ty TNHH Jeil- Tech Vina	253	55	150	50	7	8	10	5	5	1155
147	Công ty TNHH Texon Vina	220	75	2	2		2				
148	Công ty TNHH Kum Jang Vina	177	109	80	60						800
149	Công ty TNHH Shin Young Việt Nam	226	205	5	4	5					
150	Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (BG)	7237	6575	1000	900	15	45	20	20	300	6000
151	Công ty TNHH Hưng Du	90	19	9	3	1	1	1			66
152	Công ty TNHH JinYang MTS Vina	38	16	0							
153	Công ty TNHH Long vũ Allied Việt Nam	4	3	0							
154	Công ty TNHH SHC Vina	307	288	50	45		2				44
155	Công ty TNHH Vật liệu điện tử Việt Nam	4	2	0							
156	Công ty TNHH An Lan Electronics (Việt Nam)	346	321	50	47	0	0	0			55

157	Công ty TNHH Vina Cell Technology	833	554	150	100	20	20	10	0	0	100
158	Công ty TNHH Lian Tech	193	86	0							
159	Công ty TNHH C & K Global	268	78	100	30	3	10	2	0	0	85
160	Công ty TNHH YJE Vina	20	12	0	0			0			0
161	Công ty TNHH Jeongkwan Vina	108	83	92	92						92
162	Công ty TNHH Nao Vina	111	23	50	20	2		3			45
163	Công ty TNHH Trina Solar (Việt Nam)	571	397	10	6	5	5				
164	Công ty TNHH U - Tech Vina	330	224	54	50	2	5	2	20		25
165	Công ty TNHH Dachan Precision Vina	17	4	100	10	5	5	5		10	75
166	Công ty TNHH Sejong Wise Vina	215	132	0							
167	Công ty TNHH Da Young Vina	152	68	200	63	5	5	10			180
168	Công ty TNHH Phoenixtech Việt Nam	14	7	0							
	Tổng	20382	14407	3300	2209	128	199	160	50	435	2328
	Tổng các Khu công nghiệp	71387	51707	15073	11555	390	517	654	1831	1661	10020